UBND XÃ MINH CHÂU
TRƯỜNG MẦM NON DIỄN CÁT

# BÔ CÔNG CỤ THEO DÕI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ MG 4-5 TUỔI
# NĂM HỌC 2025-2026

| TT | MỤC TIÊU | MINH CHỨNG | PHƯƠNG PHÁP THEO DÕI | PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN | CÁCH THỰC HIỆN |
|---|---|---|---|---|---|
| | **I.Phát triển thể chất** | | | | |
| | *GD vệ sinh dinh dưỡng* | | | | |
| 1 | 1. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo yêu cầu lứa tuổi | Kết quả cân đo trẻ của lớp/ của trường.Sổ theo dõi sức khoẻ trẻ qua biểu đồ.Thực đơn hàng ngày | Quan sát hoạt động của trẻ. Ghi chép, đánh giá. | - Sổ theo dõi sức khỏe trẻ, Cân, thước đo… | - Tổ chức cho trẻ mọi lúc mọi nơi |
| 2 | 2. Trẻ biết một số loại thực phẩm: Nhóm thực phẩm có nhiều chất đạm và nhóm thực phẩm có nhiều chất vitamin | Các món ăn hàng ngày.Thực đơn.Hình ảnh, video về tổ chức bữa ăn; HĐ chơi ở các góc. | Quan sát hoạt động của trẻ.Thực hành, Phân công thực hiện nhiệm vụ. | Các món ăn, đồ dùng ăn uống .Đồ chơi nấu ăn. | - Tổ chức bữa ăn. Trò chuyện trong giờ học |
| 3 | 3. Trẻ biết thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt khi được nhắc nhở (tự rửa tay bằng xà phòng, lau mặt, đánh răng...) | Các món ăn; Góc chơi phân vai; hình ảnh; tranh ảnh về các món ăn | Thực hành; quan sat | Góc chơi; đồ chơi; tranh ảnh | Tổ chức bữa ăn; bufet; chơi nấu ăn |
| 4 | 4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp (chạy, ngã chảy máu...)... | Hình ảnh trẻ thực hiện VS cá nhân; Video; tranh ảnh; bài hát; bài thơ | Thực hành; quan sat | Nước; xà phòng; kem đánh răng; bàn chải đánh răng; khăn rửa mặt… | HĐVS; rửa tay trước khi ăn, sau khi chơi bẩn và đi vệ sinh |
| | ***PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG*** | | | | |
| 5 | 5. Trẻ biết giữ thăng bằng khi thực hiện vận động: đi liên tục trên ghế thể dục; đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m | Giáo án. Hình ảnh; video trẻ thực hiện vận động. Phiếu đánh giá hoạt động | Quan sát hoạt động của trẻ.Đánh giá sự tiến bộ của trẻ | Sân tập bằng phẳng, an toàn. Dụng cụ thể dục | Tổ chức giờ thể dục Chơi ngoài trời. |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 6 | 6. Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động chuyền, tung, ném, đập, bắt bóng: Tung, bắt bóng với người đối diện (bắt được 03 lần liền không rơi với khoảng cách 3 m) | Giáo án. Hình ảnh; video trẻ thực hiện vận động. Phiếu đánh giá hoạt động | Quan sát hoạt động của trẻ.Đánh giá sự tiến bộ của trẻ | Sân tập bằng phẳng, an toàn. Dụng cụ thể dục | Tổ chức giờ thể dục Chơi ngoài trời. |
| 7 | 7. Trẻ biết phối hợp nhanh nhẹn, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây; Bò dích dắc (3-4 điểm dích dắc cách nhau 2m); Bật xa 35-40 cm… | Giáo án. Hình ảnh; video trẻ thực hiện vận động. Phiếu đánh giá hoạt động | Quan sát hoạt động của trẻ.Đánh giá sự tiến bộ của trẻ | Sân tập bằng phẳng, an toàn. Dụng cụ thể dục | Tổ chức giờ thể dục Chơi ngoài trời. |
| 8 | 8. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số HĐ: cắt thành thạo theo đường thẳng; vẽ hình người…; biết tế sợi đôi… | Hình ảnh trẻ thực hiện vậ động; phiếu đánh giá trẻ | Quan sát hoạt động của trẻ.Đánh giá sự tiến bộ của trẻ | Đô dùng cho trẻ hoạt đông trong các hoạt động | Hoạt động tạo hình. Hoạt động góc |
| | **II. PT NHẬN THỨC** | | | | |
| | ***Khám phá khoa học*** | | | | |
| 9 | 9. Trẻ biết chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể | Giáo án.Tranh ảnh, video hoặc powerpoint | Yêu cầu trẻ làm bài tập. Đàm thoại. Đánh giá | Tranh ảnh; video; bản thân trẻ | - Tổ chức hoạt động học hoặc hoạt động mọi lúc mọi nơi |
| 10 | 10. Phân loại các đối tượng theo 1 hoặc 2 dấu hiệu | Bài tập, trò chơi phan nhóm phân loại. Hình ảnh, video | Quan sát . Thực hành. Tạo tình huống | Tranh ảnh, đồ chơi Tranh ảnh, vật thật về các đối tượng | Tổ chức hoạt động học hoặc hoạt động mọi lúc mọi nơi |
| 11 | 11. Trẻ biết tên gọi, đặc điểm, công dụng, ích lợi của các con vật, cây cối, hoa quả, rau, PTGT | Bài tập, trò chơi phân nhóm phân loại. Hình ảnh, video | Quan sát . Thực hành. Tạo tình huống | Tranh ảnh, đồ chơi Tranh ảnh, vật thật về đồ vật; cây; con; hoa quả, PTGT | Tổ chức hoạt động học hoặc hoạt động mọi lúc mọi nơi |
| 12 | 12. Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết một số vấn đề đơn giản (vd: làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn...) | Bài tập, trò chơi phan nhóm phân loại;Hình ảnh, video | Quan sát .Thực hành.Tạo tình huống | Tranh ảnh, đồ chơi ; trò chơi | Tổ chức hoạt động học hoặc hoạt động mọi lúc mọi nơi |
| 13 | 13. Trẻ nhận biết một số đặc điểm về hiện tượng tự nhiên. (Hiện tượng thời tiết, sự khác nhau về ngày và đêm; đặc điểm, tính chất của nước, lợi ích của nước đối với đời sồng con người và cây cối, con vật | Hình ảnh; video; giáo án; bài tập về HTTN | Quan sát .Thực hành.Tạo tình huống | Tranh ảnh, đồ chơi ; trò chơi thí nghiệm | Tổ chức hoạt động học hoặc hoạt động mọi lúc mọi nơi |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | **** Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán*** | | | | |
| 14 | 14. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10; so sánh đối tượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau | Giáo án; Bài tập cho trẻ thực hành; chữ số | Quan sát hoạt động của trẻ. Yêu cầu trẻ làm bài tập | các loại đồ dùng, đồ chơi | Tổ chức hoạt động học hoặc hoạt động mọi lúc mọi nơi |
| 15 | 15. Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả; tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn | KHGD, Trò chơi. Đồ chơi,Hình ảnh/ video về hoạt động | Thực hành, Quan sát, Đàm thoại, Đánh giá | Đồ chơi;Chữ số trong phạm vi 5 | HĐ học;HD thực hiện các trò chơi |
| 16 | 16. Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 03 đối tượng và sao chép lại | KHGD; Trò chơi. Đồ chơi Hình ảnh/ video về hoạt động sắp xếp theo quy tắc | Thực hành; Quan sát Đàm thoại Đánh giá | Đồ chơi;Trò chơi sắp xếp theo quy tắc. | HĐ học; HD thực hiện các trò chơi. |
| 17 | 17. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng số thứ tự | Chữ số từ 1-5; đồ chơi có số lượng trong phạm vi 5 | Thực hành; Quan sát Đàm thoại Đánh giá | Trò chơi; bài tập; | HĐ học; HD thực hiện các trò chơi. |
| 18 | 18. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác | Giáo án; trò chươi; hình ảnh , video trẻ hoạt động | Thực hành; Bài tập; Làm việc nhóm | Trò chơi; đồ chơi | HĐH; mọi lúc mọi nơi |
| | **** Khám phá xã hội*** | | | | |
| 19 | 19. Trẻ nói được họ, tên, tuổi, giới tính của bản thân; họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh, ảnh | KHGD. Trò chơi về thành viên gia đình; Trang phục phù hợp giới tính | Thực hành, Quan sát,Đàm thoại,Đánh giá | Tranh ảnh về gia đình.Trang phục đồ dùng cá nhân theo giới tính.Máy vi tính | xem video về các thành viên gia đình; giới tính. Chơi các trò chơi về đúng sai. |
| 20 | 20. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội | | | | |
| | **III. PT NGÔN NGỮ** | | | | |
| | **** Nghe hiểu lời nói*** | | | | |
| 21 | 21. Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại | Nghe hiểu lời noí và làm theo yêu cầu đơn giản | Quan sát hoạt động của trẻ | Một số bài tập | hoạt động hàng ngày. hoạt động mọi lúc, mọi nơi |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 22 | 22. Trẻ hiểu nghĩa của từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ... | Hệ thống câu hỏi; tranh ảnh về rau củ quả, con vạt, đồ vật | Quan sát hoạt động của trẻ | Một số bài tập | hoạt động hàng ngày. hoạt động mọi lúc, mọi nơi |
| | **** Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày*** | | | | |
| 23 | 23. Trẻ biết lắng nghe kể truyện và đặt câu hỏi theo nội dung truyện | - Nghe kể chuyện; Thiết kế câu chuyện; rối tau; rối bóng | Quan sát hoạt động của trẻ | - Một số câu chuyện | - Tổ chức hoạt động học hoặc hoạt động mọi lúc mọi nơi |
| 24 | 24. Trẻ biết kể lại chuyện có mở đầu, kết thúc | | | | |
| | **** Làm quen với việc đọc-viết*** | | | | |
| 25 | 25. Trẻ biết chọn sách để xem, biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" sách theo tranh minh họa ("đọc vẹt") | Hình ảnh; video; chương trình tổ chức ngày hội đọc sách | Đàm thaoij; thực hành | Sách truyện; góc chơi; bàn ghế | Hđgóc; HĐTT |
| 26 | 26. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa nơi nguy hiểm | Video; tranh ảnh; đô dụng dụng cụ về vật dụng nguy hiểm | QS; Đàm thoại; | Đồ dùng đồ chươi; tranh ảnh; | HĐ mọi lúc mọi nơi |
| | **Phát triển tình cảm và KNXH** | | | | |
| | *** Phát triển tình cảm** | | | | |
| 27 | 27. Trẻ nói được điều trẻ thích, không thích, những việc gì trẻ có thể làm được | Hình ảnh; trò chơi; bài tập; tình huống | QS; Đàm thoại; | Trò chơi: bài tập; tình huống | Mọi lúc mọi nơi |
| 28 | 28. Trẻ biết nhận biết và biết biểu lộ một số cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh | Tranh ảnh về các khuôn mặt biểu lộ cảm xúc. | Quan sát hoạt động của trẻ | Tạo tình huống cho trẻ hoạt động. | Tổ chức hoạt động học hoặc hoạt động mọi lúc mọi nơi. |
| 29 | 29. Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. | Bài hát; bài thơ; câu chuyện về bác Hồ | Quan sat; đàm thoại | Nhạc bài hát; nội dung các câu chuyện, bài thơ | HĐ mọi lúc mọi nơi; ngày lễ hội |
| | **** Phát triển kỹ năng xã hội*** | | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 30 | 30. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ; bỏ rác đúng nơi quy định | Một số tình huống cho trẻ thực hành. Xem video về bỏ rác đúng nơi quy định | Quan sát hoạt động của trẻ | Đưa ra một số yêu cầu trẻ làm bài tập. QS hoạt động của trẻ. | Tổ chức hoạt động học hoặc hoạt động mọi lúc mọi nơi. |
| 31 | 31. Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói; Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở | Hình ảnh; trò chơi; video HĐ của trẻ | Quan sát hoạt động của trẻ | Bài tập; trò chơi | Tổ chức hoạt động học hoặc hoạt động mọi lúc mọi nơi. |
| 32 | 32. Trẻ biết quan tâm và bảo vệ môi trường sống. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc | Hình ảnh; trò chơi; bài tập; tình huống | QS; Đàm thoại; | Trò chơi: bài tập; tình huống | Mọi lúc mọi nơi |
| | **Phát triển thẩm mỹ** | | | | |
| 33 | 33. Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư…) theo bài hát, bản nhạc | Bài hát; thơ; ca doa; đồng dao theo chủ đề. | Quan sát hoạt động của trẻ qua tiết học âm nhạc, LQVVH hoặc mọi lúc, mọi nơi | Đàn ghi giai điệu một số bài hát | Tổ chức giờ học âm nhạc , LQVVH và hoạt động mọi lúc, mọi nơi. |
| 34 | 34. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời; Biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo phách, nhịp, tiết tấu, vận động minh hoạ...) | Bài hát theo độ tuổi | Quan sát hoạt động của trẻ | Đàn ghi giai điệu, lơi ca một số bài hát | Tổ chức giờ học âm nhạc, hoạt động mọi lúc, mọi nơi. |
| 35 | 35. Trẻ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc bố cục; Có kỹ năng xé, cắt theo đường thẳng, đường cong | SP của trẻ.SP của giáo viên | Quan sát hoạt động của trẻ | Đồ dùng cho trẻ hoạt động giờ học | HĐH; HĐG; HĐC |
| 36 | 36. Trẻ biết làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết | SP của trẻ.SP của giáo viên | Quan sát hoạt động của trẻ | Đồ dùng cho trẻ hoạt động giờ học | HĐH; HĐG; HĐC |
| 37 | 37. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau | SP của trẻ.SP của giáo viên | Quan sát hoạt động của trẻ | Đất nặn; đồ chơi | HĐH; HĐG; HĐC |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 38 | 38. Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc | Bài hát cho trẻ vận động. Dụng cụ, đạo cụ cho trẻ vận động | Thực hành; QS; ĐT; Đánh giá | Giai điệu bài hát; Dụng cụ âm nhạc. | HĐH.TDS; HĐTT |
| | **Mục tiêu BSND tăng cường** | | | | |
| 39 | *39. Tin học:* Trẻ biết tắt, mở máy, rê chuột để bấm chơi các trò chơi trên máy tính | Máy tính; trò chơi; video | Quan sát hoạt động của trẻ | Trẻ thực hành trên máy tính qua các trò chơi; bài hát; bài tập… | HĐ mọi lúc mọi nơi |
| 40 | *40. Ngoại ngữ:* Nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật hiện tượng và hành động rất đơn giản quen thuộc với lứa tuổi; Nghe và nắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 3, một số từ, cụm từ rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi | Tranh ảnh; từ và cụm từ chỉ sự vật hiện tượng; | Quan sát hoạt động của trẻ | Phòng học; tranh ảnh; máy vi tính | Giờ học tăng cường; HĐ chơi tự do… |

Minh Châu*, ngày 29 tháng 8 năm 2025*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Hồ Thị Thắm**